

Số: 487/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận năm trước để lại chưa phân phối	19.995.290.572	
2	Lợi nhuận thực hiện sau thuế 2019 của Công ty mẹ	17.736.266.446	
3	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	37.731.557.018	(1) + (2)
4	Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo kết quả kinh doanh năm 2019 trên báo cáo hợp nhất	7.737.786.789	
5	Lợi nhuận sau thuế được phân phối năm 2019	27.733.077.361	(1) + (4)
6	Lợi nhuận sau thuế thực tế phân phối năm 2019	20.212.924.400	
6.1	Thù lao của TV HĐQT, Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành SXKD tại đơn vị	120.000.000	
6.2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.000.000.000	
6.3	Chia cổ tức	17.092.924.400	
	- Vốn điều lệ	427.323.110.000	
	- Tỷ lệ cổ tức	4%	
7	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau	17.518.632.618	(3) - (6)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.



Trần Tuấn Linh

Số: 488/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS
năm 2019 và kế hoạch năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2019.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo việc chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2020 như sau:

1. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2019

Năm 2019, Lợi nhuận thực hiện là 22,575 tỷ đồng/KH 35,29 tỷ đồng, đạt 64% kế hoạch năm. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận là do:

Tại công trình thủy điện Nam E-moun (Lào), lợi nhuận kế hoạch tại công trình là 22,909 tỷ nhưng chỉ thực hiện được 2,114 tỷ. Nguyên nhân là do Tổng thầu thực hiện công tác thiết kế và bàn giao mặt bằng chậm 06 tháng (theo kế hoạch, Tổng thầu phải bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công vào tháng 4/2019, nhưng thực tế đến tháng 10/2019, Tổng thầu mới bàn giao mặt bằng để Sông Đà 10 thi công) nên Công ty phải giãn tiến độ thi công tương ứng với thời gian trên. Điều này dẫn đến doanh số tại công trình giảm 163,32 tỷ đồng so với dự kiến tương ứng với mức lợi nhuận dự kiến cũng giảm 14,705 tỷ đồng. Đây là nguyên nhân khách quan, nằm ngoài dự kiến của Công ty.

Nếu không bị ảnh hưởng bởi nguyên nhân khách quan nói trên thì lợi nhuận thực hiện năm 2019 của Công ty sẽ là 37,208 tỷ đồng, đạt 105,64% kế hoạch năm. Căn cứ vào quy định tại Điều 3 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn việc loại trừ các nguyên nhân khách quan khi xác định tiền lương và thù lao, HĐQT đề nghị quyết toán lương, thù lao năm 2019 bằng mức kế hoạch, cụ thể như sau:

- Tổng tiền lương, thù lao được phép chi: **1.548.000.000** đồng.
- + Lương Chủ tịch HĐQT: 45.000.000 đồng/tháng.
- + Lương của Thành viên HĐQT: 32.000.000 đồng/tháng.
- + Lương Trưởng Ban kiểm soát: 26.000.000 đồng/tháng.
- + Thù lao Thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/người/tháng.
- + Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng.
- Số đã tạm ứng: **589.200.000** đồng.



- Số chưa chi: **958.800.000** đồng.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020:

Khi hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Lương (đồng/tháng)	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	45.000.000	
2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		8.000.000
3	Phó chủ tịch HĐQT chuyên trách	38.000.000	
4	Phó Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		5.000.000
5	Thành viên HĐQT chuyên trách	32.000.000	
6	Thành viên HĐQT không chuyên trách		5.000.000
7	Trưởng Ban kiểm soát	26.000.000	
8	Thành viên Ban kiểm soát		3.000.000

- Tiền lương, thù lao được quyết toán theo quy định của Công ty và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tạm ứng tiền lương: Chủ tịch HĐQT: 30.000.000 đồng/tháng; Phó Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT chuyên trách: 25.000.000 đồng/tháng; Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 20.000.000 đồng/tháng; Tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được tạm ứng hằng quý bằng 70% kế hoạch. Tiền lương, thù lao được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được thanh tra hoặc kiểm toán.

- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2020.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.



Trần Tuấn Linh



Số: 489/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

1. Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (đây là công ty có đủ điều kiện kiểm toán các doanh nghiệp có lợi ích công chúng theo quy định của Nhà nước và đã thực hiện kiểm toán cho đơn vị năm 2019).

2. Phí kiểm toán: 170.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Tuấn Linh

Số: 490/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Để phù hợp với quy định của pháp luật, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty như sau:

Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 3. Những vấn đề sau phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: e. Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.	Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 3. Những vấn đề sau phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: e. Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch với những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Tuấn Linh

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào Biên bản họp số 01/BB-ĐH ngày 30/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2020

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KH NĂM 2020	
			TỔNG CỘNG	CTY MẸ
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10⁶đ	1.160.000	970.000
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đ	1.070.834	950.128
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 ⁶ đ	29.166	20.000
3	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁶ đ	60.000	
II	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH			
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	1.280.000	1.064.900
2	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	52.700	38.400
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	22.600	29.800
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	16.634	23.834
5	Tỷ suất			
-	Lợi nhuận cận biên	%	1,77%	2,80%
-	Lợi nhuận sau thuế/VĐL (công ty mẹ)	%	3,89%	5,58%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,06%	2,95%
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	807.200	807.200
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 ⁶ đ	427.324	427.324

8	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%		6%
III	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10⁶đ	232.150	232.150
1	Đầu tư thiết bị thi công	10 ⁶ đ	221,650	221,650
2	Góp vốn vào dự án La Sơn – Túy Loan	10 ⁶ đ	10.500	10.500

(chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Mục tiêu tiến độ

- Thi công các hạng mục đảm bảo tiến độ đã ký với các chủ đầu tư.
- Sản xuất điện: 40,57 triệu kwh.

3. Nhiệm vụ giải pháp chính

a) Công tác kỹ thuật, an toàn lao động:

- Tăng cường công tác quản lý tiến độ thi công và giám sát, nghiệm thu chất lượng nội bộ, đảm bảo công trình thi công theo đúng và vượt tiến độ với chất lượng đảm bảo.

- Tập trung vào công tác nghiên cứu đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng công tác thiết kế biện pháp tổ chức thi công nhằm đưa ra các công nghệ, biện pháp thi công tối ưu nhất để đẩy nhanh tiến độ thi công, giảm giá thành.

- Nâng cao năng lực lập hồ sơ thi công, hồ sơ nghiệm thu thanh toán, quyết toán để đảm bảo giảm tối đa giá trị dở dang và quyết toán xong khối lượng ngay sau khi kết thúc thi công công trình, hạng mục công trình.

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý môi trường trong thi công sản xuất tại các công trình.

- Tăng cường công tác giám sát kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn lao động tại các công trình đang thi công.

b) Công tác tài chính, kế toán:

- Tiếp tục tái cấu trúc doanh nghiệp, tập trung thoái vốn tại các doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả, không thuộc ngành nghề chính của Công ty.

- Đảm bảo vốn để đầu tư và sản xuất kinh doanh; tiếp tục tăng cường mối quan hệ với các tổ chức tín dụng (ngân hàng trong nước, ngân hàng nước ngoài, các công ty cho thuê tài chính), thông qua các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thỏa thuận hợp tác, nhằm tạo ra các nguồn vốn hợp lý, kịp thời, đảm bảo cung cấp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và cho công tác đầu tư.

- Tích cực phối hợp với Chủ đầu tư, Ban điều hành, bám sát ngân hàng để có cơ chế giải ngân đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt quan tâm, ưu tiên đến những Chủ đầu tư có nguồn vốn và khả năng thanh toán tốt để giải ngân cho các công trình Công ty đang thi công. Đối với các công nợ cũ, phát sinh lâu năm, cần tập trung mọi biện pháp đẩy nhanh việc thu hồi công nợ; phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty Sông Đà trong việc thu hồi dứt điểm công nợ tại các công trình do Tổng Công ty Sông Đà làm tổng thầu xây lắp.

- Thực hiện việc kiểm toán và công khai đầy đủ các thông tin theo đúng quy định.
- Tăng cường công tác quản lý chi phí, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

c) Công tác kinh tế, kế hoạch:

- Thực hiện công tác phê duyệt giá, hợp đồng kịp thời cho các đơn vị và ký kết hợp đồng kinh tế theo đúng quy định của Công ty và pháp luật nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu tiến độ thi công tại các công trình.
- Giải quyết các tồn tại vướng mắc về hồ sơ thanh, quyết toán tại các công trình đã hoàn thành nhằm đẩy nhanh công tác quyết toán và thu hồi công nợ.
- Tiếp tục kiểm tra, rà soát, thống kê theo dõi trên cơ sở đẩy nhanh tiến độ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm tối đa mọi chi phí một cách hợp lý và khoa học để hiệu chỉnh lại bộ định mức nội bộ Công ty đã ban hành cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo tiền lương cho người lao động.
- Hoàn thành việc quyết toán lương năm 2019 cho Ban lãnh đạo Công ty và các xí nghiệp trực thuộc.
- Làm việc với Bộ GTVT về việc quyết toán công trình hầm Đèo Cả.

d) Công tác thị trường:

- Dự kiến trong năm 2020, Công ty sẽ ký hợp đồng với giá trị khoảng 1.000 - 1.200 tỷ đồng.
- Tiếp tục tham gia tiếp thị, đấu thầu các dự án đã có chủ trương đầu tư được phê duyệt với tư cách là nhà thầu độc lập, liên danh hoặc là nhà thầu phụ.
- Các lĩnh vực tham gia tiếp thị đấu thầu bao gồm: các dự án giao thông, dự án thủy điện và các dự án công nghiệp.

e) Công tác tổ chức, đào tạo, tuyển dụng:

- Thực hiện điều chỉnh chính sách tiền lương theo quy định của Nhà nước.
- Thực hiện rà soát, định biên lại bộ máy gián tiếp tại các đơn vị trực thuộc.
- Tiếp tục sắp xếp lại quy mô các đơn vị trực thuộc, sắp xếp lại các đội sản xuất tại các xí nghiệp để sử dụng, khai thác tối đa hiệu suất làm việc của thiết bị và nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực.
- Rà soát bổ nhiệm lại các xe máy trưởng ở các đơn vị.
- Lập kế hoạch và triển khai liên kết với các trường đào tạo để xúc tiến đào tạo 2 lớp khoan nổ mìn khoảng 100 người.
- Lập kế hoạch và xúc tiến công tác đào tạo thực hành nghề tại các đơn vị trực thuộc gồm các nghề: khoan, nổ mìn, phun vữa và thực hiện công tác bổ túc nâng cao tay nghề, đảm bảo 60 - 80% CNKT của Công ty làm thành thạo 2 nghề trở lên.
- Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo đúng định kỳ đã được quy định.
- Triển khai các khóa bồi dưỡng quản trị doanh nghiệp, Trung cấp lý luận chính

trị cho 100% cán bộ các cấp từ Phó phòng Công ty, Phó giám đốc xí nghiệp trở lên.

– Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về kỹ thuật, kinh tế, đấu thầu cho cán bộ, nhân viên.

– Tuyển dụng 150 lao động các nghề, để đảm bảo tốt cho sản xuất.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận năm trước để lại chưa phân phối	19.995.290.572	
2	Lợi nhuận thực hiện sau thuế 2019 của Công ty mẹ	17.736.266.446	
3	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	37.731.557.018	(1) + (2)
4	Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo kết quả kinh doanh năm 2019 trên báo cáo hợp nhất	7.737.786.789	
5	Lợi nhuận sau thuế được phân phối năm 2019	27.733.077.361	(1) + (4)
6	Lợi nhuận sau thuế thực tế phân phối năm 2019	20.212.924.400	
6.1	Thù lao của TV HĐQT, Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành SXKD tại đơn vị	120.000.000	
6.2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.000.000.000	
6.3	Chia cổ tức	17.092.924.400	
	- Vốn điều lệ	427.323.110.000	
	- Tỷ lệ cổ tức	4%	
7	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau	17.518.632.618	(3) - (6)

Điều 6. Thông qua việc chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020:

1. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2019

– Tổng tiền lương, thù lao được phép chi: **1.548.000.000** đồng.

+ Lương Chủ tịch HĐQT: 45.000.000 đồng/tháng.

+ Lương của Thành viên HĐQT: 32.000.000 đồng/tháng.

+ Lương Trưởng Ban kiểm soát: 26.000.000 đồng/tháng.

+ Thù lao Thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng.

– Số đã tạm ứng: **589.200.000** đồng.

– Số chưa chi: **958.800.000** đồng.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020

Khi hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Lương (đồng/tháng)	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	45.000.000	
2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		8.000.000
3	Phó chủ tịch HĐQT chuyên trách	38.000.000	
4	Phó Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		5.000.000
5	Thành viên HĐQT chuyên trách	32.000.000	
6	Thành viên HĐQT không chuyên trách		5.000.000
7	Trưởng Ban kiểm soát	26.000.000	
8	Thành viên Ban kiểm soát		3.000.000

– Tiền lương, thù lao được quyết toán theo quy định của Công ty và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

– Tạm ứng tiền lương: Chủ tịch HĐQT: 30.000.000 đồng/tháng; Phó Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT chuyên trách: 25.000.000 đồng/tháng; Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 20.000.000 đồng/tháng; Tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được tạm ứng hằng quý bằng 70% kế hoạch. Tiền lương, thù lao được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được thanh tra hoặc kiểm toán.

– Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2020.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020

1. Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam.

2. Phí kiểm toán: **170.000.000** đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

1. Sửa đổi điểm (e) khoản 3 Điều 27 (những vấn đề phải được HĐQT phê chuẩn) như sau:

“e. Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch với những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trường hợp này, người đại diện công

ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.”

2. Bổ sung thêm điểm (n) khoản 3 Điều 27 (những vấn đề phải được HĐQT phê chuẩn) như sau:

“n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.”

Điều 9. Điều khoản thi hành

Các ông, bà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Các Phó TGĐ, các phòng/ban, các đơn vị trực thuộc, các công ty con;
- Website Công ty;
- Người được UQ.CBTT (để công bố);
- Lưu VT, Thư ký.

**T/M. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA – CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Tuấn Linh

PHỤ LỤC SỐ 01
(kèm theo Nghị quyết ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2019 Công ty CP Sông Đà 10)

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019			KH năm 2020		
			Tổ hợp	Trong đó		Tổ hợp	Trong đó	
				Công ty mẹ	Công ty con		Công ty mẹ	Công ty con
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	964.142	870.225	151.209	1.160.000	970.000	190.000
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	877.796	851.775	83.312	1.070.834	950.000	120.834
2	Giá trị kinh doanh ngoài xây lắp	10 ⁶ đ	32.212	18.449	13.762	29.166	20.000	9.166
3	Kinh doanh điện	10 ⁶ đ	54.135		54.135	60.000		60.000
II	Kế hoạch tài chính							
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	1.001.141	870.105	184.575	1.280.000	1.064.900	215.900
2	Nộp nhà nước	10 ⁶ đ	51.472	35.687	15.784	52.700	38.400	14.300
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	3.727	22.575	-16.789	22.600	29.800	-7.200
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	1.702	17.736	-13.975	16.634	23.834	-7.200
5	Tỷ suất lợi nhuận	%						
-	Lợi nhuận cận biên	%	0,4%	2,6%	-9,1%	1,77%	2,80%	-3,33%
-	Lợi nhuận sau thuế/VĐL	%	0,4%	4,2%	-8,6%	3,89%	5,58%	-4,44%
-	LNST/VCSHBQ (ROE)	%	0,2%	2,3%	-6,4%	2,06%	2,95%	5,77%
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	896.191	820.999	138.136	807.200	807.200	124.700
7	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	427.324	427.324	162.218	427.324	437.324	162.218
8	Hệ số nợ phải trả	Lần	2,4	1,8	5,8	2,63	1,69	5,77
III	Chỉ tiêu khối lượng chủ yếu							
-	Sản lượng kinh doanh điện	Kwh	36.001.328		36.001.328	40.576.575		40.576.575
IV	Kế hoạch đầu tư	10 ⁶ đ	27.060	27.060		232.150	232.150	

II. CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH, CÔNG VIỆC

TT	Tên công trình	ĐVT	Kế hoạch 2020
A	Tổng giá trị SXKD Công ty mẹ	10³đ	970.000.000
I	Giá trị SXKD	10 ³ đ	950.000.000
1	Các công trình đã có HĐ		800.000.000
a	Công trình thủy điện Thượng Kon Tum	10 ³ đ	4.693.075
b	Công trình Nậm Emun	10 ³ đ	516.252.388
c	Công hình Đăk mi 2	10 ³ đ	279.054.537
2	Các công trình dự kiến đấu thầu	10 ³ đ	150.000.000
II	Giá trị ngoài xây lắp	10³đ	20.000.000
B	Tổng giá trị SXKD Công ty 10.1	10³đ	130.000.000
I	Giá trị SXKD	10 ³ đ	120.834.000
1	Các công trình đã có HĐ	10 ³ đ	80.834.000
-	Thủy điện Đăk Mi 2	10 ³ đ	80.834.000
2	Các công trình dự kiến đấu thầu	10 ³ đ	40.000.000
II	Gia công cơ khí ngoài xây lắp	10 ³ đ	9.166.000
C	Tổng giá trị SXKD Công ty Nậm He	10³đ	60.000.000
-	Kinh doanh điện	10 ³ đ	60.000.000
	Tổng cộng tổ hợp	10³đ	1.160.000.000

III. DANH MỤC ĐẦU TƯ

ĐVT: tỷ đồng.

TT	Dự án	TH 2019	KH 2020
	Tổng cộng	27,06	232,15
A	Công ty CP Sông Đà 10	27,06	232,15
I	Các dự án đầu tư mở rộng SXKD		
II	Các dự án nâng cao năng lực thi công xây lắp và quản lý SXKD	15,46	221,65
1	<i>Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2019</i>		188,09
-	03 máy khoan hầm 2 cần 1 sàn nâng		53,99
-	04 máy khoan hầm 2 cần không sàn nâng		65,08
-	06 máy phun vữa robot 30m ³ /h		17,50

-	05 máy xúc lật dung tích gầu 3,4-3,6m ³		7,50
-	22 ô tô tự đổ 15 tấn (10m ³)		38,19
-	02 bơm bê tông cao áp 80m ³ /h		5,83
2	<i>Ngoài dự án</i>	15,46	33,56
-	03 Ô tô bán tải	0,74	1,20
-	Quạt gió 3x75.2 (5 cái)		9,46
-	Máy phát điện 625KVA (06 cái)	9,84	
-	Máy phát điện 500KVA (04 cái)		3,96
-	04 ô tô tải ben dung tích thùng xe 6m ³ , 2 cầu	3,04	
-	Máy biến áp	1,84	2,90
-	Thiết bị khác		20,00
II	Đầu tư góp vốn vào các DN khác	11,60	10,50
-	Góp vốn vào Dự án La Sơn - Túy Loan	11,60	10,50
B	Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	0	0
C	Công ty CP thủy điện Nậm He	0	0



Số: 491/TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO
Về việc danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 159 Luật Doanh nghiệp năm 2014 về việc doanh nghiệp phải thông báo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan. Công ty CP Sông Đà 10 xin thông báo tới Đại hội đồng cổ đông Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan của Công ty tính từ ngày 01/01/2019 đến thời điểm hiện tại như sau:

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan

TT	Tên TC/Cá nhân	Chức vụ /Quan hệ	Thời điểm bắt đầu là NLQ	Thời điểm không còn là NLQ
I	Tổ chức			
1	Tổng công ty Sông Đà	Công ty mẹ	2006	
2	Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	Công ty con	2006	
3	CTCP thủy điện Nậm He	Công ty con	2013	
II	Cá nhân			
1	Trần Tuấn Linh	Chủ tịch HĐQT	2006	
2	Trần Thị Như Sâm	Mẹ ông Linh	2006	
3	Trần Thị Tuyết Nhung	Chị ông Linh	2006	
4	Trần Tuấn Dương	Anh ông Linh	2006	
5	Đỗ Thị Minh Phương	Vợ ông Linh	2008	
6	Trần Văn Tấn	TV HĐQT kiêm TGD	2011	
7	Ngô Thị Kim Nhung	Vợ ông Tấn	2011	
8	Lục Đức Tiến	Phó TGD TVHĐQT	2006	
9	Hoàng Ngọc Tú	TVHĐQT	15/1/2016	7/6/2019
10	Doãn Bích Thảo	Vợ ông Tú	15/1/2016	7/6/2019
11	Bùi Xuân Thi	TV HĐQT	7/6/2019	
12	Trần Thị Kim Oanh	Vợ ông Thi	7/6/2019	
13	Đỗ Đức Mạnh	TV HĐQT	15/6/2018	
14	Phạm Thị Thanh Loan	Trưởng ban kiểm soát	27/4/2016	
15	Trần Thị Ngọc	Mẹ bà Loan	27/4/2016	
16	Lê Việt Hải	Chồng bà Loan	27/4/2016	



17	Lê Đại Hiệp	Con bà Loan	27/4/2016	
18	Lê Việt Hòa	Con bà Loan	27/4/2016	
19	Phạm Bách Quang	Anh trai bà Loan	27/4/2016	
20	Phạm Thị Hiếu	Em gái bà Loan	27/4/2016	
21	Lê Mai Hường	KSV	16/4/2013	
22	Phạm Hoàng Thái	KSV	27/4/2017	7/6/2019
23	Nguyễn Văn Thanh	Người CBTT	2012	
		KSV	7/6/2019	
24	Nguyễn Xuân Đài	Bố ông Thanh	2012	
25	Bùi Thị Oanh	Mẹ ông Thanh	2012	
26	Nguyễn Thị Thảo	Vợ ông Thanh	2012	
27	Nguyễn Văn Tùng	Em ông Thanh	2012	
28	Trần Đình Tú	Phó TGD	10/10/2018	
29	Đinh Thị Loan	Mẹ ông Tú	10/10/2018	
30	Phạm Thị Dinh	Vợ ông Tú	10/10/2018	
31	Trần Bình Minh	Con trai ông Tú	10/10/2018	
32	Trần Cẩm Linh	Con gái ông Tú	10/10/2018	
33	Trần Quốc Tấn	Anh trai ông Tú	10/10/2018	
34	Trần Đình Toàn	Anh trai ông Tú	10/10/2018	
35	Trần Thị Ngoan	Chị gái ông Tú	10/10/2018	
36	Trần Văn Tuấn	Anh trai ông Tú	10/10/2018	
37	Trần Đình Trụ	Em trai ông Tú	10/10/2018	
38	Nguyễn Thế Bảo	Phó TGD	23/11/2017	
39	Nguyễn Thị Huyền	Vợ ông Bảo	23/11/2017	
40	Nguyễn Thế Dũng	Con ông Bảo	23/11/2017	
41	Nguyễn Hà My	Con ông Bảo	23/11/2017	
42	Phạm Hoàng Phương	Phó TGD	19/8/2019	
43	Nguyễn Trung Kiên	Kế toán trưởng	27/4/2016	
44	Phạm Thị Nhung	Vợ ông Kiên	27/4/2016	
45	Nguyễn Hà Anh	Con ông Kiên	27/4/2016	
46	Nguyễn Châu Anh	Con ông Kiên	27/4/2016	

2. Lợi ích có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác: không có.

Danh sách trên cũng đã được gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các quy định về công bố thông tin của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VT.



Trần Tuấn Linh